

Số: 75 /TB-MNHM

Long Biên, ngày 16..tháng 3...năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc **niêm yết công khai bản kê khai tài sản,
thu nhập của Hiệu trưởng năm 2020.**

1. Các căn cứ

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

2. Thành phần tham dự:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| • Bà Trần Thị Nghĩa Quỳnh | Hiệu trưởng(Chủ trì) |
| • Bà Trần Thị Xuân Nhạn | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Đào Thị Hải Yến | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Đặng Thị Lan Anh | TTVP |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Thắng | CTCĐ |
| • Bà Chu Thị Huệ | Trưởng Ban TTND |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Tổ trưởng tổ Bảo vệ |
| • Bà Nguyễn Thị Huệ | Tổ trưởng chuyên môn -KTMNL |
| • Bà Nguyễn Thị Hương | Tổ trưởng tổ nuôi |
| • Bà Đỗ Thị Thu Huyền | Khối trưởng MGB |
| • Bà Nguyễn Thị Quỳnh | Khối trưởng nhà trẻ |
| • Bà Trần Thị Hoài Phương | BTCĐ |
| • Nguyễn Thị Nguyệt | Kế toán (Thư ký) |

3. Nội dung công khai: Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của Hiệu trưởng năm 2020.

4. Hình thức niêm yết: Thông báo trước ban liên tịch và thông báo tới toàn thể CBGVNV nhà trường.

5. Địa điểm niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai tuyên truyền của nhà trường (Tầng 1 – Khu hiệu bộ)

6. Thời gian niêm yết: Từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến hết ngày 26 tháng

4 năm 2021.

7. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai nếu có thắc mắc liên hệ trực tiếp qua SĐT 0985593830 (Đ/c Quỳnh – Hiệu trưởng) hoặc gửi thư về hòm thư điện tử: mnhoamai@longbien.edu.vn.

Nơi nhận:

- Ban công khai
- CBGVNV
- Lưu;

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Nghĩa Quỳnh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Theo thông tư 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ)
NĂM 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN THỊ NGHĨA QUỲNH Năm sinh: 1981
- Chức vụ/chức danh công tác: Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng, Đại biểu HĐND
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Hoa Mai
- Hộ khẩu thường trú: Phường Thạch Bàn- Long Biên - Hà Nội
- Nơi ở hiện nay: Số nhà 2- Ngách 1/54- Tổ 1- Thạch Bàn- Long Biên- Hà Nội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ĐỖ VĂN DŨNG Năm sinh: 1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Kinh doanh tự do
- Cơ quan/đơn vị công tác: Xưởng chăm sóc xe hơi
- Hộ khẩu thường trú: Phường Thạch Bàn- Long Biên - Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 2- Ngách 1/54- Tổ 1- Thạch Bàn- Long Biên- Hà Nội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: ĐỖ ANH TÚ
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/10/2003
- Hộ khẩu thường trú: Phường Thạch Bàn- Long Biên - Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 2- Ngách 1/54- Tổ 1- Thạch Bàn- Long Biên- Hà Nội

b) Con thứ hai (trở lên): Kê khai như con thứ nhất

- Họ và tên: ĐỖ MY ANH
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/2008
- Hộ khẩu thường trú: Phường Thạch Bàn- Long Biên - Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 2- Ngách 1/54- Tổ 1- Thạch Bàn- Long Biên- Hà Nội

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Nhà ở, công trình xây dựng:

a) Nhà ở:

- Nhà thứ nhất: Số nhà 2- Ngách 1/54- Tổ 1- Thạch Bàn- Long Biên- Hà Nội

+ Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ Cấp công trình: Cấp IV

+ Diện tích xây dựng: 34,5m²

+ Giá trị: 1.725.000.000

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số CS_LB 23594 thuộc sở hữu của 2 vợ chồng

+ Thông tin khác (nếu có): Không

- Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất. Không



b) Công trình xây dựng khác:

- Công trình thứ nhất: Không

+ Loại công trình Cấp công trình

+ Diện tích:

+ Giá trị:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

+ Thông tin khác (nếu có):

- Công trình thứ hai (Trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

2. Quyền sử dụng đất:

a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất:

+ Địa chỉ: Số nhà 2- Ngách 1/54- Tổ 1- Thạch Bàn- Long Biên- Hà Nội

+ Diện tích: 34,5m²

+ Giá trị: 1.725.000.000

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số CS_LB 23594 thuộc sở hữu của 2 vợ

chồng

+ Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất). Không

b) Các loại đất khác:

- Mảnh thứ nhất: Không

+ Địa chỉ:

+ Diện tích:

+ Giá trị:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

+ Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ hai: Không

3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

- Không

4. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) có tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Ô tô trị giá 400.000.000đ



5. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Kim loại quý
- Đá quý
- Cổ phiếu
- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh
- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác

Không

6. Các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác).

Không

7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Không

8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

Nợ ngân hàng 500.000.000đ

9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác.

- Tổng thu nhập : 225.000.000đ/ năm

III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP (Biến động về tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm)

| Loại tài sản, thu nhập | Tăng/ giảm | Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm |
|---|---------------|---|
| 1. Nhà ở, công trình xây dựng (tăng, giảm về số lượng, diện tích hoặc thay đổi về cấp nhà, công trình so với kỳ kê khai trước đó): a) Nhà ở: b) Công trình xây dựng khác: | Không | |
| 2. Quyền sử dụng đất (tăng, giảm về số lượng, diện tích, thay đổi loại đất so với kỳ kê khai trước đó): a) Đất ở: b) Các loại đất khác: | Không | |
| 3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước | không | |

| | | |
|---|------------------|---|
| ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. | | |
| 4. Các loại động sản: - Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) | không | |
| 5. Các loại tài sản: - Kim loại quý - Đá quý - Cổ phiếu - Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh - Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên. | Không | |
| 6. Các loại tài sản khác (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác) mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên. | Không | |
| 7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. | Không | |
| 8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. | + 500 triệu đồng | Vay ngân hàng để gia đình đầu tư kinh doanh |
| 9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam 225.000.000đ | Tăng | Thu nhập của chồng tăng |

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập
....., ngày.....tháng.....năm.....

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập
Thạch Bàn, ngày. 31..tháng. 12..năm 2020

Người nhận Bản kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Người kê khai tài sản



Trần Thị Nghĩa Quỳnh